

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHCNDMHN ngày tháng năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
- Mã trường:** CCM
- Địa chỉ trụ sở chính:** Lệ Chi- Gia Lâm- Hà Nội
- Địa chỉ trang thông tin điện tử :** hict.edu.vn
- Địa chỉ các trang mạng xã hội:** <https://www.facebook.com/tshict>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02436922552; 0917966488; 0915001951
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

- Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/dam-bao-chat-luong/ket-qua-khao-sat-viec-lam-svtn-trong-vong-12-thang-sau-tot-nghiep.htm>

- Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khối ngành II					
Thiết kế thời trang	Đại học	100	99	69	98.5%
Khối ngành V					
Công nghệ may	Đại học	780	850	737	95.9%
Quản lý công nghiệp	Đại học	60	71	57	91.1%
Công nghệ Sợi, Dệt	Đại học	30	26	11	100.0%
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Đại học	30	27	17	100.0%
Marketing	Đại học	60	41	14	100.0%

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử	Đại học	30	25	11	100.0%
Tổng		1090	1139	916	96.5%

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Năm 2022

- Đề án tuyển sinh năm 2022: <http://hict.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2022.htm>

- Thông báo tuyển sinh năm 2022: <http://hict.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-cao-dang-nam-2022.htm>

Năm 2023

- Đề án tuyển sinh năm 2023: <http://hict.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2023.htm>

- Thông báo tuyển sinh năm 2023: <http://hict.edu.vn/nhan-ho-so-xet-tuyen-hoc-ba-ho-so-tuyen-thang-tu-15-2-den-31-5-2023.htm>

8.1. Phương thức tuyển sinh năm 2022 và 2023

- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
- Xét kết quả học tập THPT
- Tuyển thẳng theo phương án riêng của Trường.
- Xét tuyển kết hợp thi tuyển năng khiếu (áp dụng đối với ngành Thiết kế thời trang).
- Xét bằng điểm thi đánh giá năng lực của đại học quốc gia Hà Nội.

8.2. Điểm trúng tuyển của năm 2022 và 2023

Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Năm 2022						Năm 2023					
	Kết quả học tập THPT			Điểm thi TNTHPT			Kết quả học tập THPT			Điểm thi TNTHPT		
	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm chuẩn	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm chuẩn	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm chuẩn	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm chuẩn
1. Lĩnh vực Nghệ thuật												
Thiết kế thời trang	100	112	21-24	30	35	19	105	84	21	45	55	20
2. Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý												
Marketing	70	50	20	20	34	17	84	33	20	36	40	18
Kế toán	70	67	19	20	17	17	84	30	19	36	22	18
Thương mại Điện tử							42	15	19	18	11	18
3. Lĩnh vực sản xuất chế biến												
Công nghệ Sợi, Dệt	15	7	19	5	1	17	14	8	19	6	1	18
Công nghệ may	485	520	21	165	131	18	483	299	21	207	86	19
4. Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật												
Quản lý công nghiệp	90	119	20	30	25	17	105	50	20	45	14	18
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23	7	19	7	3	17	21	9	19	9	7	18
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23	28	19	7	7	17	28	22	19	12	8	18

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/danh-muc-cac-nganh-dao-tao-nam-2024.htm>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công nghệ may	7540209	1136/QĐ-BGDĐT	07/04/2016	848/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2016	2023
2	Công nghệ sợi, dệt	7540202	1136/QĐ-BGDĐT	07/04/2016			Bộ GD&ĐT	2016	2023
3	Quản lý công nghiệp	7510601	1136/QĐ-BGDĐT	07/04/2016			Bộ GD&ĐT	2016	2023
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	384/QĐ-BGDĐT	09/02/2017			Bộ GD&ĐT	2017	2023
5	Thiết kế thời trang	7210404	384/QĐ-BGDĐT	09/02/2017			Bộ GD&ĐT	2017	2023
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	4458/QĐ-BGDĐT	20/10/2017			Bộ GD&ĐT	2018	2023
7	Marketing	7340115	4458/QĐ-BGDĐT	20/10/2017			Bộ GD&ĐT	2018	2023
8	Kế toán	7340301	481/QĐ-BGDĐT	26/01/2021			Bộ GD&ĐT	2021	2023
9	Thương mại điện tử	7340122	2380/QĐ-ĐHCNDMHN	30/12/2022			ĐHCNDMHN	2023	2023
10	Quản trị kinh doanh	7340101	312/QĐ-ĐHCNDMHN	13/3/2024			ĐHCNDMHN	2024	
11	Thiết kế đồ họa	7210403	313/QĐ-ĐHCNDMHN	13/3/2024			ĐHCNDMHN	2024	

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/dieu-kien-dam-bao-chat-luong.htm>

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
	ĐẠI HỌC		
1.1	Chính quy		
<i>1.1.1</i>	<i>Lĩnh vực nghệ thuật</i>		
	Ngành Thiết kế thời trang	7210404	523
<i>1.1.2</i>	<i>Lĩnh vực sản xuất chế biến</i>		
	Ngành Công nghệ may	7540209	2275
	Ngành Công nghệ sợi, dệt	7540202	29
<i>1.1.3</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh và quản lý</i>		
	Ngành Kế toán	7340301	143
	Ngành Marketing	7340115	198
	Thương mại điện tử	7340122	26
<i>1.1.4</i>	<i>Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật</i>		
	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	47
	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	86
	Ngành Quản lý công nghiệp	7510601	389
1.2	Đối tượng từ Cao đẳng lên Đại học		
	<i>Lĩnh vực sản xuất chế biến</i>		
	Ngành Công nghệ may	7540209	6
2	Đại học vừa làm vừa học		
	<i>Lĩnh vực sản xuất chế biến</i>		
	Ngành Công nghệ sợi, dệt	7540202	29

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 5.58ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): có sức chứa 600 sinh viên

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 7.85m²/sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng năm 2023	Diện tích sàn xây dựng (m ²) Số năm 2023
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	165	9.413
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	732
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ		
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	11	840
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	61	1971
1.5	Số phòng học đa phương tiện	42	3675
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	49	2195
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	2	775
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	127	19.259
	Tổng	294	29.447

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
1	Phùng Thị Ái		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ may
1	Phùng Thị Ái		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ sợi, dệt
2	Nguyễn Sỹ An		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
3	Trần Bình An		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
3	Trần Bình An		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
3	Trần Bình An		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
3	Trần Bình An		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế thời trang
3	Trần Bình An		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
4	Nguyễn Thị An		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
5	Dương Hoàng Ân		Đại học	Luật kinh tế		Công nghệ may
6	Nguyễn Văn Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
7	Nguyễn Thị Mai Anh		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
8	Trần Thị Thu Anh		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục		Công nghệ may
9	Phạm Kim Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Thiết kế đồ họa
9	Phạm Kim Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Quản trị kinh doanh
9	Phạm Kim Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Thiết kế thời trang
9	Phạm Kim Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
10	Đoàn Ngọc Anh		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
11	Đặng Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Thiết kế đồ họa
11	Đặng Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Thiết kế thời trang
11	Đặng Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Quản lý công nghiệp
12	Nguyễn Thị Thảo Anh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
13	Phạm Lan Anh		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Thiết kế thời trang
14	Kiều Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế đồ họa
14	Kiều Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
15	Nguyễn Thị Ánh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Quản lý công nghiệp
15	Nguyễn Thị Ánh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
16	Nguyễn Cầu Bản		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
17	Dương Công Bằng		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
18	Lê Thanh Bình		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
19	Trương Văn Cẩm		Tiến sĩ	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
19	Trương Văn Cẩm		Tiến sĩ	Công nghệ dệt, may		Thương mại điện tử
20	Tạ Văn Cảnh		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		Marketing
20	Tạ Văn Cảnh		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		Thương mại điện tử
20	Tạ Văn Cảnh		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		Thiết kế thời trang
21	Tạ Thị Chang		Đại học	Thiết kế thời trang		Thiết kế thời trang
21	Tạ Thị Chang		Đại học	Thiết kế thời trang		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
22	Đỗ Xuân Chử		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		Công nghệ sợi, dệt
22	Đỗ Xuân Chử		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
22	Đỗ Xuân Chử		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		Công nghệ may
22	Đỗ Xuân Chử		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
23	Phạm Văn Chương		Đại học	Kinh doanh thương mại		Quản lý công nghiệp
24	Trương Thiên Quốc Chuyên		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
25	Lý Thu Cúc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
25	Lý Thu Cúc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
25	Lý Thu Cúc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
25	Lý Thu Cúc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế thời trang
25	Lý Thu Cúc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ sợi, dệt
25	Lý Thu Cúc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
25	Lý Thu Cúc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
26	Nguyễn Xuân Cường		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
27	Nguyễn Thái Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thiết kế thời trang
27	Nguyễn Thái Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
27	Nguyễn Thái Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ may
27	Nguyễn Thái Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
28	Bùi Tiến Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Công nghệ may
28	Bùi Tiến Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
29	Bạch Huy Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
30	Đặng Thị Đan		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Thiết kế thời trang
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ sợi, dệt
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Quản lý công nghiệp
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Kế toán
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Thiết kế đồ họa
31	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Marketing
32	Nguyễn Đăng Đạt		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Thiết kế đồ họa
32	Nguyễn Đăng Đạt		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ may
33	Đoàn Thế Đạt		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thiết kế đồ họa
34	Trần Đăng Đầu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
35	Nguyễn Văn Dinh		Đại học	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
36	Hà Thị Định		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
37	Tạ Thị Dịu		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
37	Tạ Thị Dịu		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ sợi, dệt

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
38	Đỗ Xuân Đốc		Đại học	Thiết kế thời trang		Thiết kế thời trang
38	Đỗ Xuân Đốc		Đại học	Thiết kế thời trang		Công nghệ may
39	Thạch Văn Đông		Đại học	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
40	Nguyễn Huy Đông		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ sợi, dệt
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế đồ họa
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
41	Đông Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế thời trang
42	Nguyễn Văn Đức		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
42	Nguyễn Văn Đức		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
43	Nguyễn Minh Đức		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Quản lý công nghiệp
44	Đỗ Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
44	Đỗ Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản lý công nghiệp
44	Đỗ Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Thiết kế thời trang

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
44	Đỗ Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
45	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân		Marketing
45	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân		Quản lý công nghiệp
45	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân		Công nghệ sợi, dệt
45	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân		Kế toán
45	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân		Quản trị kinh doanh
45	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân		Thiết kế đồ họa
45	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
45	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
45	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân		Công nghệ may
46	Lương Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Công nghệ may
47	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Marketing
47	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Kế toán
47	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Quản lý công nghiệp
47	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ may
47	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ sợi, dệt
47	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Thiết kế đồ họa
47	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
47	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Thiết kế thời trang
47	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
48	Nguyễn Bá Dương		Đại học	Kinh tế phát triển		Quản lý công nghiệp
49	Vũ Hồng Duyên		Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Kế toán
49	Vũ Hồng Duyên		Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Công nghệ may
49	Vũ Hồng Duyên		Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Công nghệ sợi, dệt
50	Nguyễn Thị Hải Duyên		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
51	Ngô Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Thông tin học		Thiết kế đồ họa
51	Ngô Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Thông tin học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
51	Ngô Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Thông tin học		Kế toán
51	Ngô Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Thông tin học		Công nghệ sợi, dệt
51	Ngô Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Thông tin học		Công nghệ may
51	Ngô Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Thông tin học		Marketing
51	Ngô Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Thông tin học		Quản lý công nghiệp
51	Ngô Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Thông tin học		Thiết kế thời trang
52	Trịnh Thùy Giang		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
52	Trịnh Thùy Giang		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
52	Trịnh Thùy Giang		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
53	Nguyễn Thị Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế thời trang
53	Nguyễn Thị Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
53	Nguyễn Thị Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ sợi, dệt
53	Nguyễn Thị Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
53	Nguyễn Thị Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
54	Trương Thanh Giang		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
55	Tô Thị Hương Giang		Đại học	Kinh tế		Công nghệ may
56	Phạm Xuân Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
56	Phạm Xuân Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
57	Phạm Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản lý công nghiệp
58	Đoàn Thanh Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
58	Đoàn Thanh Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
59	Nguyễn Thị Ngân Hà		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Công nghệ sợi, dệt
59	Nguyễn Thị Ngân Hà		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Quản trị kinh doanh
59	Nguyễn Thị Ngân Hà		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Công nghệ may
59	Nguyễn Thị Ngân Hà		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Quản lý công nghiệp
60	Đoàn Thị Hà		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Marketing
60	Đoàn Thị Hà		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Thiết kế đồ họa
61	Nguyễn Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
62	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
62	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Kế toán
62	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
62	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
62	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
62	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Marketing
62	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Quản lý công nghiệp
62	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Thiết kế thời trang
62	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ sợi, dệt
63	Trần Thị Thu Hà		Đại học	Marketing		Marketing
64	Đỗ Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
65	Phạm Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Marketing
66	Trịnh Sơn Hải		Đại học	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
67	Nguyễn Văn Hải		Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
67	Nguyễn Văn Hải		Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật		Công nghệ may
67	Nguyễn Văn Hải		Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật		Công nghệ sợi, dệt
67	Nguyễn Văn Hải		Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
68	Ngô Ngọc Hải		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
69	Vũ Văn Hải		Đại học	Sư phạm Toán học		Quản lý công nghiệp
69	Vũ Văn Hải		Đại học	Sư phạm Toán học		Công nghệ sợi, dệt
69	Vũ Văn Hải		Đại học	Sư phạm Toán học		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
69	Vũ Văn Hải		Đại học	Sư phạm Toán học		Công nghệ may
69	Vũ Văn Hải		Đại học	Sư phạm Toán học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
69	Vũ Văn Hải		Đại học	Sư phạm Toán học		Marketing
69	Vũ Văn Hải		Đại học	Sư phạm Toán học		Kế toán

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
70	Dương Thị Hân		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
71	Nguyễn Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Thiết kế thời trang
72	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Thiết kế đồ họa
72	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Thiết kế thời trang
73	Đào Thị Hằng		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
73	Đào Thị Hằng		Thạc sĩ	Kế toán		Marketing
73	Đào Thị Hằng		Thạc sĩ	Kế toán		Quản lý công nghiệp
73	Đào Thị Hằng		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
74	Bùi Thế Hanh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
75	Tạ Hanh		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
75	Tạ Hanh		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ may
75	Tạ Hanh		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
76	Phùng Thị Hạnh		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Quản lý công nghiệp
76	Phùng Thị Hạnh		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Quản trị kinh doanh
77	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ sợi, dệt
78	Trần Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
79	Hàn Thị Mỹ Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
79	Hàn Thị Mỹ Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
80	Trần Đình Hạnh		Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
81	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Toán học		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
81	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ sợi, dệt
81	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Toán học		Quản lý công nghiệp
81	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Toán học		Marketing
81	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Toán học		Kế toán
81	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ may
81	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Toán học		Thương mại điện tử
81	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Toán học		Thiết kế đồ họa
82	Đào Thị Hạnh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
82	Đào Thị Hạnh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản lý công nghiệp
83	Nguyễn Đắc Hậu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
83	Nguyễn Đắc Hậu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
84	Trần Thị Hậu		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ may
84	Trần Thị Hậu		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
84	Trần Thị Hậu		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Kế toán
84	Trần Thị Hậu		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
84	Trần Thị Hậu		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Quản lý công nghiệp
85	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Quản lý công nghiệp
85	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Quản trị kinh doanh
85	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Công nghệ may
85	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Công nghệ sợi, dệt

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
85	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
85	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Marketing
85	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Thiết kế thời trang
86	Phạm Ngọc Hiền		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Thiết kế thời trang
86	Phạm Ngọc Hiền		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
86	Phạm Ngọc Hiền		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ may
86	Phạm Ngọc Hiền		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
87	Hoàng Xuân Hiệp		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
87	Hoàng Xuân Hiệp		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
88	Nguyễn Việt Hiếu		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
89	Ngô Trung Hiếu		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
90	Lê Văn Hiếu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ may
90	Lê Văn Hiếu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
90	Lê Văn Hiếu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Quản trị kinh doanh
90	Lê Văn Hiếu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ sợi, dệt
90	Lê Văn Hiếu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Thiết kế thời trang
90	Lê Văn Hiếu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Quản lý công nghiệp
90	Lê Văn Hiếu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Marketing
90	Lê Văn Hiếu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Kế toán
91	Nguyễn Thị Phương Hoa		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
92	Văn Thị Cúc Hoa		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
93	Nguyễn Thu Hoà		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
94	Nghiêm Thị Hoài		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Thiết kế đồ họa
94	Nghiêm Thị Hoài		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Quản trị kinh doanh
94	Nghiêm Thị Hoài		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Công nghệ may
95	Dương Thị Hoàn		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
96	Nguyễn Thị Thu Hồng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Thiết kế thời trang
96	Nguyễn Thị Thu Hồng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ may
97	Đặng Thị Thúy Hồng		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
98	Nguyễn Thị Hồng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
98	Nguyễn Thị Hồng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
99	Nguyễn Mạnh Huân		Đại học	Luật		Quản lý công nghiệp
100	Nguyễn Thị Huệ		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
100	Nguyễn Thị Huệ		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
101	Hoàng Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Thiết kế thời trang
101	Hoàng Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Quản lý công nghiệp
101	Hoàng Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Marketing
101	Hoàng Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Kế toán
101	Hoàng Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Quản trị kinh doanh
101	Hoàng Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
101	Hoàng Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Công nghệ sợi, dệt
101	Hoàng Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Công nghệ may
101	Hoàng Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Thương mại điện tử
102	Nguyễn Thị Thanh Huệ		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Thiết kế thời trang
102	Nguyễn Thị Thanh Huệ		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Thiết kế đồ họa
103	Cao Thị Minh Huệ		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
104	Ngô Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
104	Ngô Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Marketing
104	Ngô Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Kế toán
104	Ngô Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Thiết kế thời trang
104	Ngô Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ may
104	Ngô Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ sợi, dệt
105	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ sợi, dệt
105	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
105	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Thiết kế đồ họa
105	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
105	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ may
105	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Kế toán
105	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Marketing
105	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Quản lý công nghiệp

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
105	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Thiết kế thời trang
106	Bùi Thái Hưng		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
107	Nguyễn Mai Hương		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
108	Lê Nguyên Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Thiết kế thời trang
108	Lê Nguyên Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Quản trị kinh doanh
108	Lê Nguyên Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ may
109	Vũ Thị Hương		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
110	Nguyễn Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
110	Nguyễn Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ may
110	Nguyễn Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
111	Trịnh Thị Thanh Hương		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
112	Đoàn Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
112	Đoàn Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
113	Phạm Thị Hương		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
114	Chu Thị Mai Hương		Thạc sĩ	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
115	Hà Thị Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
115	Hà Thị Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
115	Hà Thị Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
115	Hà Thị Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế thời trang
116	Võ Thị Lan Hương		Tiến sĩ	Công nghệ dệt, may		Công nghệ sợi, dệt

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
117	Đỗ Thị Thu Hương		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
118	Nguyễn Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Thiết kế thời trang
118	Nguyễn Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
118	Nguyễn Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Thiết kế đồ họa
118	Nguyễn Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Kế toán
118	Nguyễn Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản lý công nghiệp
118	Nguyễn Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ may
118	Nguyễn Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Marketing
119	Phạm Bích Hương		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
120	Nguyễn Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
121	Nguyễn Thị Hương		Tiến sĩ	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
122	Trần Lê Huy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
122	Trần Lê Huy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
123	Nguyễn Văn Huy		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục		Thiết kế đồ họa
123	Nguyễn Văn Huy		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục		Công nghệ may
124	Hoàng Văn Huy		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
125	Nguyễn Thị Thu Huyền		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
126	Phạm Thị Minh Huyền		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
127	Phí Thị Huyền		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thiết kế thời trang
127	Phí Thị Huyền		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
127	Phí Thị Huyền		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Công nghệ may
128	Đinh Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế thời trang
128	Đinh Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế đồ họa
129	Vũ Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
130	Nguyễn Xuân Khán		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ may
131	Nguyễn Thị Hồng Khanh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
131	Nguyễn Thị Hồng Khanh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
132	Phan Đức Khánh		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
132	Phan Đức Khánh		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
133	Lê Cương Kiên		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Thiết kế đồ họa
133	Lê Cương Kiên		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Thiết kế thời trang
133	Lê Cương Kiên		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Thương mại điện tử
133	Lê Cương Kiên		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Công nghệ may
133	Lê Cương Kiên		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Quản lý công nghiệp
134	Vũ Trung Kiên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế thời trang
134	Vũ Trung Kiên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
134	Vũ Trung Kiên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
135	Nguyễn Văn Lâm		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
135	Nguyễn Văn Lâm		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Thiết kế thời trang
136	Nguyễn Doãn Lâm		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
136	Nguyễn Doãn Lâm		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
136	Nguyễn Doãn Lâm		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Quản lý công nghiệp
137	Lò Thị Quỳnh Lan		Thạc sĩ	Triết học		Thiết kế đồ họa
137	Lò Thị Quỳnh Lan		Thạc sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
137	Lò Thị Quỳnh Lan		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
137	Lò Thị Quỳnh Lan		Thạc sĩ	Triết học		Quản lý công nghiệp
138	Phạm Thị Lan		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ may
138	Phạm Thị Lan		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
139	Nguyễn Thị Lanh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
140	Nguyễn Thị Hồng Liên		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thiết kế đồ họa
140	Nguyễn Thị Hồng Liên		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Công nghệ may
140	Nguyễn Thị Hồng Liên		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thiết kế thời trang
141	Lê Diệu Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
141	Lê Diệu Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế đồ họa
141	Lê Diệu Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế thời trang
141	Lê Diệu Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
142	Nguyễn Phương Linh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
143	Phạm Thị Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
144	Đỗ Quang Linh		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
145	Nguyễn Hữu Long		Đại học	Giáo dục Thể chất		Thiết kế thời trang

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
145	Nguyễn Hữu Long		Đại học	Giáo dục Thể chất		Kế toán
145	Nguyễn Hữu Long		Đại học	Giáo dục Thể chất		Marketing
145	Nguyễn Hữu Long		Đại học	Giáo dục Thể chất		Quản lý công nghiệp
145	Nguyễn Hữu Long		Đại học	Giáo dục Thể chất		Công nghệ sợi, dệt
145	Nguyễn Hữu Long		Đại học	Giáo dục Thể chất		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
145	Nguyễn Hữu Long		Đại học	Giáo dục Thể chất		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
145	Nguyễn Hữu Long		Đại học	Giáo dục Thể chất		Công nghệ may
146	Dương Văn Long		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Công nghệ may
147	Vũ Hồng Long		Tiến sĩ	Cơ học		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
147	Vũ Hồng Long		Tiến sĩ	Cơ học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
148	Phạm Thị Lua		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
149	Dương Thị Hồng Lượng		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
150	Nguyễn Thị Hồng Luyên		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Thiết kế thời trang
150	Nguyễn Thị Hồng Luyên		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Kế toán
150	Nguyễn Thị Hồng Luyên		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
151	Dư Thị Luyến		Thạc sĩ	Chính trị học		Kế toán
151	Dư Thị Luyến		Thạc sĩ	Chính trị học		Công nghệ sợi, dệt
151	Dư Thị Luyến		Thạc sĩ	Chính trị học		Thiết kế thời trang
151	Dư Thị Luyến		Thạc sĩ	Chính trị học		Quản lý công nghiệp
151	Dư Thị Luyến		Thạc sĩ	Chính trị học		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
151	Dư Thị Luyến		Thạc sĩ	Chính trị học		Thiết kế đồ họa
151	Dư Thị Luyến		Thạc sĩ	Chính trị học		Công nghệ may
151	Dư Thị Luyến		Thạc sĩ	Chính trị học		Thương mại điện tử
151	Dư Thị Luyến		Thạc sĩ	Chính trị học		Marketing
152	Đoàn Thị Lý		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
153	Ngô Thị Thanh Mai		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Thiết kế đồ họa
153	Ngô Thị Thanh Mai		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ may
154	Nguyễn Thanh Mai		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Thiết kế thời trang
154	Nguyễn Thanh Mai		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ may
154	Nguyễn Thanh Mai		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Quản lý công nghiệp
155	Vũ Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
155	Vũ Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ may
155	Vũ Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ sợi, dệt
156	Vũ Thị Mai		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
156	Vũ Thị Mai		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
157	Nguyễn Thị Mật		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
158	Nguyễn Thị Mơ		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
159	Trần Minh Nam	Phó Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ sợi, dệt
159	Trần Minh Nam	Phó Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
159	Trần Minh Nam	Phó Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
160	Vũ Thị Nếp		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Thiết kế đồ họa
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Kế toán
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Thiết kế thời trang
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Marketing
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ sợi, dệt
161	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Quản lý công nghiệp
162	Nguyễn Thị Lê Nga		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thiết kế đồ họa
162	Nguyễn Thị Lê Nga		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thiết kế thời trang
163	Trương Thị Ngân		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Quản lý công nghiệp
163	Trương Thị Ngân		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
163	Trương Thị Ngân		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
163	Trương Thị Ngân		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ sợi, dệt
164	Đặng Thị Ngát		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
165	Trần Thị Ngát		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Công nghệ may
165	Trần Thị Ngát		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản lý công nghiệp

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
165	Trần Thị Ngát		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Thiết kế thời trang
165	Trần Thị Ngát		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
165	Trần Thị Ngát		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản trị kinh doanh
166	Đặng Văn Nghiệp		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Công nghệ may
166	Đặng Văn Nghiệp		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
167	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Quản trị kinh doanh
167	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Kế toán
167	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Marketing
167	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Quản lý công nghiệp
167	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Công nghệ sợi, dệt
167	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
167	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Công nghệ may
167	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
167	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Thiết kế đồ họa
168	Nguyễn Công Ngoan		Đại học	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
169	Nguyễn Văn Ngọc		Đại học	Thiết kế thời trang		Công nghệ may
169	Nguyễn Văn Ngọc		Đại học	Thiết kế thời trang		Thiết kế thời trang
170	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
171	Nguyễn Thị Ngọc		Đại học	Công nghệ dệt, may		Quản trị kinh doanh
171	Nguyễn Thị Ngọc		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
172	Lý Bích Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
172	Lý Bích Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế thời trang
172	Lý Bích Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
172	Lý Bích Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
172	Lý Bích Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế đồ họa
172	Lý Bích Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
173	Vũ Thị Nguyên		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
174	Đào Quang Nhan		Đại học	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
174	Đào Quang Nhan		Đại học	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
174	Đào Quang Nhan		Đại học	Kỹ thuật điện		Thiết kế thời trang
174	Đào Quang Nhan		Đại học	Kỹ thuật điện		Công nghệ may
175	Đinh Thị Nhàn		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
176	Trần Đăng Nhàn		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Công nghệ may
176	Trần Đăng Nhàn		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
176	Trần Đăng Nhàn		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Công nghệ sợi, dệt
176	Trần Đăng Nhàn		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Thiết kế thời trang
176	Trần Đăng Nhàn		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Quản lý công nghiệp
176	Trần Đăng Nhàn		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Marketing
176	Trần Đăng Nhàn		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Kế toán
176	Trần Đăng Nhàn		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
176	Trần Đăng Nhân		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Thiết kế đồ họa
177	Nguyễn Thành Nhân		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ may
177	Nguyễn Thành Nhân		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
177	Nguyễn Thành Nhân		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
178	Trần Thị Hoàng Nhung		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ may
178	Trần Thị Hoàng Nhung		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
179	Bùi Thị Nhung		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
180	Ngô Trọng Nội		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
181	Phạm Thị Oanh		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
182	Bùi Thị Oánh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
183	Ngô Tiến Phú		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ may
184	Vũ Chi Phương		Đại học	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
184	Vũ Chi Phương		Đại học	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
185	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
185	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Công nghệ dệt, may		Quản lý công nghiệp
186	Nguyễn Thu Phương		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục		Công nghệ may
186	Nguyễn Thu Phương		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục		Thiết kế đồ họa
187	Nguyễn Thị Lan Phương		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ may
188	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
188	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
189	Trịnh Thị Phương		Thạc sĩ	Triết học		Thiết kế đồ họa
189	Trịnh Thị Phương		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
189	Trịnh Thị Phương		Thạc sĩ	Triết học		Thương mại điện tử
189	Trịnh Thị Phương		Thạc sĩ	Triết học		Kế toán
189	Trịnh Thị Phương		Thạc sĩ	Triết học		Marketing
189	Trịnh Thị Phương		Thạc sĩ	Triết học		Quản lý công nghiệp
189	Trịnh Thị Phương		Thạc sĩ	Triết học		Thiết kế thời trang
189	Trịnh Thị Phương		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ sợi, dệt
190	Nguyễn Sỹ Phương		Tiến sĩ	Công nghệ dệt, may		Công nghệ sợi, dệt
190	Nguyễn Sỹ Phương		Tiến sĩ	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
190	Nguyễn Sỹ Phương		Tiến sĩ	Công nghệ dệt, may		Thiết kế thời trang
191	Nguyễn Thu Phương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Thiết kế đồ họa
191	Nguyễn Thu Phương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Thương mại điện tử
191	Nguyễn Thu Phương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Marketing
191	Nguyễn Thu Phương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ may
191	Nguyễn Thu Phương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Thiết kế thời trang
192	Bùi Thị Phương		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế đồ họa
192	Bùi Thị Phương		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế thời trang
192	Bùi Thị Phương		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ may
193	Khúc Thị Minh Phương		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế thời trang

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
193	Khúc Thị Minh Phượng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Marketing
193	Khúc Thị Minh Phượng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế đồ họa
193	Khúc Thị Minh Phượng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Công nghệ may
194	Hoàng Thị Như Phượng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế đồ họa
194	Hoàng Thị Như Phượng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
195	Đào Thị Lệ Quyên		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
196	Nguyễn Thị Lệ Quyên		Đại học	Công nghệ dệt, may		Công nghệ may
197	Nguyễn Xuân Sao		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Marketing
197	Nguyễn Xuân Sao		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ		Thiết kế thời trang
198	Vũ Thị Sim		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế thời trang
199	Lê Thái Sơn		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế đồ họa
199	Lê Thái Sơn		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế thời trang
200	Nguyễn Thị Thanh Sơn		Đại học	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp		Công nghệ may
201	Nguyễn Hùng Tâm		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Quản lý công nghiệp
201	Nguyễn Hùng Tâm		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
201	Nguyễn Hùng Tâm		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Thương mại điện tử
202	Dương Thị Tâm		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
203	Nguyễn Thị Minh Tâm		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản lý công nghiệp
203	Nguyễn Thị Minh Tâm		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
203	Nguyễn Thị Minh Tâm		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
204	Vũ Đức Tân		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Quản lý công nghiệp
204	Vũ Đức Tân		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ sợi, dệt
204	Vũ Đức Tân		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
205	Võ Ngọc Tân		Đại học	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp		Công nghệ may
206	Dương Thị Tân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
206	Dương Thị Tân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
207	Chu Thị Ngọc Thạch		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
208	Nguyễn Văn Thân		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Kế toán
208	Nguyễn Văn Thân		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Marketing
208	Nguyễn Văn Thân		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Thiết kế thời trang
208	Nguyễn Văn Thân		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản lý công nghiệp
208	Nguyễn Văn Thân		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Công nghệ may
208	Nguyễn Văn Thân		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
208	Nguyễn Văn Thân		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản trị kinh doanh
209	Nguyễn Quang Thắng		Tiến sĩ	Kỹ thuật vật liệu		Thiết kế thời trang
209	Nguyễn Quang Thắng		Tiến sĩ	Kỹ thuật vật liệu		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
209	Nguyễn Quang Thắng		Tiến sĩ	Kỹ thuật vật liệu		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
209	Nguyễn Quang Thắng		Tiến sĩ	Kỹ thuật vật liệu		Công nghệ may
209	Nguyễn Quang Thắng		Tiến sĩ	Kỹ thuật vật liệu		Quản lý công nghiệp
210	Hà Quốc Thắng		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Marketing

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
210	Hà Quốc Thắng		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Thương mại điện tử
210	Hà Quốc Thắng		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
211	Trần Quyết Thắng		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
212	Nguyễn Thị Huyền Thanh		Đại học	Công nghệ thông tin		Kế toán
213	Nguyễn Đức Thành		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
214	Nguyễn Nhật Thành		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản lý công nghiệp
215	Nguyễn Thị Thành		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Kế toán
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Marketing
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Quản trị kinh doanh
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Thiết kế đồ họa
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Quản lý công nghiệp
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Thiết kế thời trang
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Công nghệ sợi, dệt
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
216	Đặng Thị Thúy Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Công nghệ may
217	Ngô Chí Thành		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
218	Bùi Thế Thành		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
218	Bùi Thế Thành		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
218	Bùi Thế Thành		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
219	Nguyễn Hữu Thành		Thạc sĩ	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học		Công nghệ may
220	Đoàn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
220	Đoàn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
221	Dương Phương Thảo		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ sợi, dệt
221	Dương Phương Thảo		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
222	Vũ Văn Thảo		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
222	Vũ Văn Thảo		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ sợi, dệt
222	Vũ Văn Thảo		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ may
222	Vũ Văn Thảo		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
223	Lưu Văn Thiêm		Tiến sĩ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp		Kế toán
223	Lưu Văn Thiêm		Tiến sĩ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp		Thiết kế thời trang
223	Lưu Văn Thiêm		Tiến sĩ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
223	Lưu Văn Thiêm		Tiến sĩ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp		Thiết kế đồ họa
223	Lưu Văn Thiêm		Tiến sĩ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp		Quản trị kinh doanh
223	Lưu Văn Thiêm		Tiến sĩ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp		Marketing
223	Lưu Văn Thiêm		Tiến sĩ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp		Công nghệ sợi, dệt
223	Lưu Văn Thiêm		Tiến sĩ	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
224	Đặng Trần Thiều		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
225	Ngô Thị Kim Thoa		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
225	Ngô Thị Kim Thoa		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
226	Nguyễn Thị Thơm		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
227	Nguyễn Văn Thông		Tiến sĩ	Công nghệ dệt, may		Thiết kế thời trang
228	Trịnh Thị Hà Thu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
228	Trịnh Thị Hà Thu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
229	Bùi Thị Thu		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
229	Bùi Thị Thu		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Quản lý công nghiệp
229	Bùi Thị Thu		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ may
229	Bùi Thị Thu		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
230	Nguyễn Văn Thư		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
231	Vũ Thị Thư		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
232	Lê Thị Thuận		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Thiết kế đồ họa
232	Lê Thị Thuận		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ may
232	Lê Thị Thuận		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
232	Lê Thị Thuận		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
233	Nguyễn Thị Hồng Thuý		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Kế toán
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Marketing
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Quản lý công nghiệp
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Thiết kế thời trang

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Công nghệ sợi, dệt
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Thiết kế đồ họa
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Công nghệ may
234	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Quản trị kinh doanh
235	Ngô Thị Xuân Thuý		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Thiết kế đồ họa
235	Ngô Thị Xuân Thuý		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ may
236	Nguyễn Thu Thuý		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
237	Hà Thị Thu Thuý		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
237	Hà Thị Thu Thuý		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
238	Đoàn Thị Hương Thuý		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế đồ họa
238	Đoàn Thị Hương Thuý		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
239	Phạm Kim Thúy		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
240	Đào Quang Thủy		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ may
241	Đinh Thị Thủy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
241	Đinh Thị Thủy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
241	Đinh Thị Thủy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
241	Đinh Thị Thủy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
241	Đinh Thị Thủy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
242	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Thiết kế đồ họa
242	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Quản trị kinh doanh
242	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Kế toán
242	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Marketing
242	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Thiết kế thời trang
242	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ sợi, dệt
242	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
242	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
242	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ may
243	Trần Đức Tiên		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
244	Phạm Thị Tốt		Tiến sĩ	Hoá lí thuyết và hoá lí		Thiết kế đồ họa
244	Phạm Thị Tốt		Tiến sĩ	Hoá lí thuyết và hoá lí		Công nghệ may
244	Phạm Thị Tốt		Tiến sĩ	Hoá lí thuyết và hoá lí		Công nghệ sợi, dệt
245	Hà Kiều Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Kế toán
245	Hà Kiều Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Marketing
245	Hà Kiều Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Thiết kế thời trang
245	Hà Kiều Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
245	Hà Kiều Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ may
245	Hà Kiều Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
246	Phùng Thị Như Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Thiết kế thời trang

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
246	Phùng Thị Như Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
246	Phùng Thị Như Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
246	Phùng Thị Như Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ may
246	Phùng Thị Như Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Công nghệ sợi, dệt
246	Phùng Thị Như Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Marketing
247	Trần Thị Hà Trang		Đại học	Thiết kế thời trang		Thiết kế thời trang
247	Trần Thị Hà Trang		Đại học	Thiết kế thời trang		Thiết kế đồ họa
248	Ngô Xuân Triệu		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ may
248	Ngô Xuân Triệu		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
249	Ngô Kiên Trung		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
249	Ngô Kiên Trung		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
249	Ngô Kiên Trung		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ may
250	Nguyễn Văn Trung		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục		Thiết kế thời trang
250	Nguyễn Văn Trung		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục		Thiết kế đồ họa
251	Mai Thế Trường		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
252	Võ Đặng Tuấn		Đại học	Công nghệ chế tạo máy		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
253	Đỗ Xuân Tùng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ may
254	Đỗ Xuân Tùng		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
255	Phạm Thị Kim Tuyền		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
256	Lê Thị Kim Tuyết		Tiến sĩ	Quản trị nhân lực		Kế toán

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
256	Lê Thị Kim Tuyết		Tiến sĩ	Quản trị nhân lực		Công nghệ may
256	Lê Thị Kim Tuyết		Tiến sĩ	Quản trị nhân lực		Quản lý công nghiệp
256	Lê Thị Kim Tuyết		Tiến sĩ	Quản trị nhân lực		Quản trị kinh doanh
257	Nguyễn Thị Tuyết		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
257	Nguyễn Thị Tuyết		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
258	Nguyễn Hữu Uẩn		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
258	Nguyễn Hữu Uẩn		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
258	Nguyễn Hữu Uẩn		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ sợi, dệt
259	Hoàng Thu Uyên		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Quản lý công nghiệp
260	Phạm Tú Uyên		Đại học	Sư phạm Toán học		Quản lý công nghiệp
260	Phạm Tú Uyên		Đại học	Sư phạm Toán học		Công nghệ sợi, dệt
260	Phạm Tú Uyên		Đại học	Sư phạm Toán học		Kế toán
260	Phạm Tú Uyên		Đại học	Sư phạm Toán học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
260	Phạm Tú Uyên		Đại học	Sư phạm Toán học		Marketing
260	Phạm Tú Uyên		Đại học	Sư phạm Toán học		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
260	Phạm Tú Uyên		Đại học	Sư phạm Toán học		Công nghệ may
261	Trần Thị Vân		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ may
261	Trần Thị Vân		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Marketing
262	Nguyễn Tùng Vân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
262	Nguyễn Tùng Vân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành Cao đẳng	Tên ngành Đại học
262	Nguyễn Tùng Vân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
263	Dương Đức Vinh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thiết kế thời trang
264	Nguyễn Quang Vinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
264	Nguyễn Quang Vinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
265	Trần Thị Vinh		Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may		Công nghệ may
266	Trần Thị Ngọc Yến		Đại học	Kế toán		Kế toán

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử: <http://hict.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2024.htm>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-nam-2023.htm>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển năng khiếu trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/quy-che-thi-nang-khieu-nam-2023.htm>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi năng khiếu trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/de-an-to-chuc-thi-nang-khieu.htm>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh

1.3.1. Xét tuyển

a. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo

b. Hình thức tuyển sinh

- Phương thức 1 (Mã 100): Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 của các môn trong tổ hợp xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm thi của các bài thi/môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên theo quy định và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DM3} + \text{UT}$$

Trong đó:

+ DM1: Điểm thi TNTHPT bài thi/môn thi thứ nhất

+ DM2: Điểm thi TNTHPT bài thi/môn thi thứ hai

+ DM3: Điểm thi TNTHPT bài thi/môn thi thứ ba

+ UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông để tuyển sinh.

- Phương thức 2 (Mã 200): Xét tuyển kết quả học tập theo học bạ THPT, dựa vào điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 của các môn theo tổ hợp xét tuyển.

+ Với phương án xét tuyển dựa vào điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12.

Điểm xét tuyển được tính là tổng điểm bình quân các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DM3} + \text{UT}$$

Trong đó:

DM1 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn thứ nhất

DM2 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn thứ hai

DM3 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn thứ ba

UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Với phương án xét tuyển dựa vào điểm tổng kết lớp 12

Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số), cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DM3} + \text{UT}$$

Trong đó:

DM1 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ nhất

DM2 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ hai

DM3 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ ba

UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 3 (Mã 402): Xét tuyển điểm bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐGNL)

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{Điểm ĐGNL quy theo thang điểm 30} + \text{UT}$$

Trong đó,

+ Điểm đánh giá năng lực (thang điểm 150) được quy về thang điểm 30, tính theo công thức:

*Điểm ĐGNL (quy theo thang điểm 30) = (30/150) * Điểm ĐGNL (thang điểm 150)*

+ UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 4 (Mã 303): Xét tuyển thẳng theo phương án riêng

Đối tượng tuyển thẳng: Thí sinh đạt một trong những điều kiện sau:

+ Có kết quả học tập năm lớp 11 đạt loại giỏi trở lên.

+ Có kết quả học tập học kỳ 2 năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt loại giỏi trở lên.

+ Có kết quả học tập năm lớp 12 đạt loại giỏi trở lên.

+ Có chứng chỉ TOEIC hoặc TOEFL quốc tế đạt 550 trở lên; hoặc IELTS quốc tế từ 5.5 trở lên và tương đương.

1.3.2. Xét tuyển kết hợp với điểm thi năng khiếu

a. Phạm vi áp dụng: Ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa

b. Hình thức tuyển sinh

- Phương thức 5 (Mã 405): Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

+ Đối với các môn văn hóa: Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 của môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển. Các môn văn hóa trong tổ hợp để xét tuyển gồm: Toán, Vật lý và Ngữ văn.

+ Đối với các môn năng khiếu: Sử dụng kết quả thi năng khiếu môn Vẽ Mỹ thuật, Bố cục màu tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội hoặc kết quả thi năng khiếu khối V và khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2024 để xét tuyển.

Điểm xét tuyển là tổng điểm môn năng khiếu (không nhân hệ số), cộng với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển được tính theo công thức sau:

Tổ hợp V00 và V01:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DNK} + \text{UT}$$

Trong đó:

+ DM1 là điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán

+ DM2 là điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn (V01)/ Vật lý (V00)

+ DNK là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu khối V, khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2024

+ UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tổ hợp H00:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DNK1} + \text{DNK2} + \text{UT}$$

Trong đó:

+ DM1 là điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn
+ DNK1 là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ DNK2 là điểm thi năng khiếu môn Bó cục màu tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu khối H của của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2024.

+ UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 6 (Mã 406): Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

+ Đối với các môn văn hóa: Sử dụng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 trong học bạ THPT của môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển. Các môn văn hóa trong tổ hợp để xét tuyển gồm: Toán, Vật lý, Ngữ văn.

+ Đối với các môn năng khiếu: Sử dụng kết quả thi năng khiếu môn Vẽ Mỹ thuật, Bó cục màu tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội hoặc kết quả thi năng khiếu khối V và khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2024 để xét tuyển.

Điểm xét tuyển là tổng điểm môn năng khiếu (không nhân hệ số), cộng điểm trung bình cộng của điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 của môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển và cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển được tính theo công thức sau:

- Tổ hợp V00 và V01:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DNK} + \text{UT}$$

Trong đó:

+ DM1 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn Toán hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 môn Toán

+ DM2 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn Ngữ văn (V01)/ Vật lý (V00) hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 môn Ngữ văn (V01)/ Vật lý (V00)

+ DNK là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu khối V, khối H của của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2024.

+ UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Tổ hợp H00:*

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DNK1} + \text{DNK2} + \text{UT}$$

Trong đó:

+ DM1 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn Ngữ văn hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 môn Ngữ văn

+ DNK1 là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ DNK2 là điểm thi năng khiếu môn Bô cục màu tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu khối H của của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2024..

+ UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Tổng chỉ tiêu đại học chính quy là 1380 được phân bổ cho 6 phương thức xét tuyển, trong đó:

- Chỉ tiêu phương thức 2, phương thức 4, phương thức 5, phương thức 6 chiếm từ 50-70%;

- Chỉ tiêu phương thức 1, phương thức 3 chiếm từ 30-50%.

Trong trường hợp số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển không đạt chỉ tiêu của một phương thức, số chỉ tiêu còn lại của phương thức đó được chuyển sang cho phương thức xét tuyển khác.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.	Đại học	7210404	Thiết kế thời trang	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	124	D01		H00		V00		V01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển		-		H00		V00		V01	
				406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển		-		H00		V00		V01	
				100	Xét điểm thi TN 2024	54	D01		H00		V00		V01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
2.	Đại học	7340115	Marketing	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	84	A00		A01		B00		D01	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2024	36	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
3.	Đại học	7540209	Công nghệ may	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	350	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2024		A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực	150	-		-		-		-	
4.	Đại học	7540202	Công nghệ sợi, dệt	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	21	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
				100	Xét điểm thi TN 2024	7	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
5.	Đại học	7510601	Quản lý công nghiệp	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	105	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2024	45	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
6.	Đại học	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	35	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2024	15	A00		A01		B00		D01	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
7.	Đại học	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	35	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2024	15	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
8.	Đại học	7340301	Kế toán	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	84	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2024	36	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
9.	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	42	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2024	18	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
10.	Đại học	7210403	Thiết kế đồ họa	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	42	D01		A00		H00		V01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển		-		A00		H00		V01	
				406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển		-		A00		H00		V01	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
				100	Xét điểm thi TN 2024	18	D01		A00		H00		V01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
11.	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	42	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2024	18	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	

1.5. Ngưỡng đầu vào

- *Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT*

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Trường sẽ công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

+ Điểm nhận đăng ký xét tuyển: theo ngưỡng đảm bảo chất lượng.

- *Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT*

Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Tổng điểm xét tuyển theo tổ hợp đăng ký tính cả điểm ưu tiên đạt 18 điểm trở lên.

- *Phương thức xét tuyển bằng điểm bài thi đánh giá năng lực năm 2024 (thang điểm 150):*

Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Tổng điểm thi ≥ 70 điểm

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

a) Thông tin chung về Trường

- Tên trường: trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
- Mã trường: CCM
- Website: hict.edu.vn
- Email: tuyensinh@hict.edu.vn;
- Facebook: <http://www.facebook.com/tshict>
- Điện thoại: 024.36922552; 0917966488; 0915001951

b) Mã ngành, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển

TT	Tên ngành	Mã ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ May - Chuyên ngành Thiết kế mẫu; - Chuyên ngành Quản lý, điều hành sản xuất; - Chuyên ngành Quản lý chất lượng; - Chuyên ngành Thiết kế công nghệ	7540209	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
2	Công nghệ Sợi, Dệt - Chuyên ngành Công nghệ kéo sợi; - Chuyên ngành Công nghệ Dệt thoi;	7540202	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01

TT	Tên ngành	Mã ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
	- Chuyên ngành Công nghệ dệt kim			
3	Thiết kế thời trang - Chuyên ngành Thiết kế sáng tạo; - Chuyên ngành Thiết kế kỹ thuật	7210404	100, 200, 303, 402, 405, 406	D01, V00, V01, H00
4	Thiết kế đồ họa	7210403	100, 200, 303, 402, 405, 406	A00, D01, V01, H00
5	Quản lý công nghiệp - Chuyên ngành Quản lý công nghiệp - Chuyên ngành Quản lý đơn hàng - Chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510601	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
6	Marketing - Chuyên ngành Marketing dịch vụ - Chuyên ngành Kinh doanh hàng thời trang - Chuyên ngành Quản trị Marketing	7340115	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
7	Kế toán - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp; - Chuyên ngành Kế toán hành chính sự nghiệp;	7340301	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
8	Thương mại điện tử	7340122	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
9	Quản trị kinh doanh	7340101	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trong ngành dệt may	7510301	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
11	Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Chuyên ngành Bảo trì thiết bị máy; - Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí;	7510201	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01

TT	Tên ngành	Mã ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
	- Chuyên ngành Thiết kế, chế tạo đường, cữ gá ngành may			

Mã phương thức xét tuyển

TT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển
1	100	Xét điểm thi TN THPT 2024
2	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT
3	303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng
4	402	Xét điểm thi đánh giá năng lực
5	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển
6	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

Tổ hợp xét tuyển

TT	Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
4	B00	Toán	Hóa học	Sinh học
5	V00	Toán	Vật lý	Năng khiếu 1
6	V01	Toán	Ngữ văn	Năng khiếu 1
7	H00	Ngữ văn	Năng khiếu 1	Năng khiếu 2

Ghi chú:

- Năng khiếu 1 là điểm thi môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu khối V, khối H của trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2024

- Năng khiếu 2 là điểm thi môn Bó cục màu tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu khối H của trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2024

c) Số nguyện vọng thí sinh

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành khác nhau, không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp, trong đó nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất.

d) Thực hiện xét tuyển

* Nhà trường tổ chức xét tuyển nhiều đợt cho đến khi đủ chỉ tiêu.

* Nguyên tắc xét tuyển:

- Với phương thức xét tuyển thẳng theo phương án riêng: Nhà trường xét tuyển thẳng theo phương án riêng đối với những đối tượng xét tuyển thẳng quy định tại mục 1.3.1, phương thức 4.

- Với các phương thức xét tuyển còn lại:

+ Điểm xét tuyển được xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

+ Trong các đợt xét tuyển, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi/kết quả điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký

Ở đợt xét tuyển sớm: Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh được công nhận trúng tuyển vào nhiều ngành của Trường (trừ điều kiện tốt nghiệp). Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng lên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Ở đợt xét tuyển theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ở đợt xét tuyển bổ sung: Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

+ Điểm trúng tuyển đợt sau không thấp hơn điểm trúng tuyển của đợt liền kề trước đó.

* Giữa các tổ hợp không có sự chênh lệch về điểm xét tuyển, không sử dụng tiêu chí phụ trong quá trình xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Đăng ký xét tuyển /thi tuyển năng khiếu

a) Thời gian đăng ký xét tuyển (dự kiến)

TT	Các đợt nhận hồ sơ	Thời gian	Ghi chú
1	Đợt 1	Từ 15/2/2024 đến hết 31/5/2024	Thí sinh nộp hồ sơ đợt trước 31/3/2024, khi

TT	Các đợt nhận hồ sơ	Thời gian	Ghi chú
			nhập học được tặng 1.000.000 đồng
2	Đợt 2	Từ 01/6/2024 đến hết 05/7/2024	Thời gian xét tuyển có thể thay đổi. Trước mỗi đợt xét tuyển Nhà trường sẽ có thông báo riêng.
3	Đợt 3	Từ 06/7/2024 đến hết 30/7/2024	
4	Đợt 4	Từ 01/8/2024 đến hết 31/8/2024	
5	Đợt 5	Từ 01/9/2024 đến hết 30/9/2024	

b) Thời gian đăng ký thi tuyển, tổ chức thi tuyển năng khiếu

- Nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển môn năng khiếu ngành Thiết kế thời trang: Từ 15/2/2024 đến 13/7/2024

- Kế hoạch tổ chức thi

Ngày	Buổi	Nội dung
Ngày 18/7/2024	Sáng	Làm thủ tục dự thi
	Chiều	Thi môn năng khiếu 1 (Vẽ mỹ thuật)
Ngày 19/7/2024	Sáng	Thi môn năng khiếu 2 (Bố cục màu)
	Chiều	Dự phòng

Thông tin tuyển sinh và kỳ thi tuyển năng khiếu của Trường được cập nhật liên tục trên các kênh thông tin:

- Website: hict.edu.vn

- Fanpage tuyển sinh: <http://www.facebook.com/tshict>

1.7.2. Đăng ký xét tuyển

a) Theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024: Thực hiện theo quy định của BGDĐT

b) Các phương thức còn lại

- **Hình thức đăng ký:** Thí sinh lựa **chọn 1 trong các hình thức** sau để đăng ký:

(1) Đăng ký trực tuyến tại website: <https://tsnh.hict.edu.vn/>.

Thí sinh thực hiện theo hướng dẫn của hệ thống, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin khai báo.

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến không phải gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

(2) Nộp hồ sơ qua đường bưu điện

(3) Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

- **Hồ sơ xét tuyển** (áp dụng cho hình thức nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp), gồm:

- + Photo chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;
- + Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng
- + Giấy xác nhận ưu tiên (nếu có);
- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường (*tại website: hict.edu.vn*);
- + Bản sao hợp lệ kết quả học tập THPT (nếu thí sinh xét tuyển theo học bạ THPT hoặc tuyển thẳng theo kết quả học tập THPT)
- + Bản sao chứng chỉ tiếng Anh (nếu thí sinh tuyển thẳng theo chứng chỉ tiếng anh)
- + Bản sao điểm thi ĐGNL (áp dụng cho phương thức xét tuyển theo điểm thi ĐGNL)

Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, Lê Chi- Gia Lâm- Hà Nội.

1.7.3. Đăng ký thi tuyển môn năng khiếu

a) Hình thức đăng ký: Đăng ký trực tuyến hoặc nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

b) Hồ sơ đăng ký thi tuyển

- Trường hợp sử dụng phương thức xét kết quả học tập THPT kết hợp với thi tuyển, hồ sơ gồm:

- + Bản sao hợp lệ kết quả học tập THPT (photo, công chứng);
- + Photo chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;
- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường (*tại website: hict.edu.vn*);
- + Giấy xác nhận ưu tiên (nếu có);
- + 02 ảnh cỡ 4x6 cm chụp trong vòng 6 tháng.
- + Lệ phí dự thi năng khiếu 300.000đ/hồ sơ

- Trường hợp sử dụng phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi tuyển, hồ sơ gồm

- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (*tại website: hict.edu.vn*);
- + 02 ảnh cỡ 4x6 cm chụp trong vòng 6 tháng.
- + Lệ phí dự thi năng khiếu 300.000đ/hồ sơ

1.8. Chính sách ưu tiên:

1.8.1. Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường không tổ chức xét tuyển thẳng với các đối tượng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022.

1.8.2. Ưu tiên xét tuyển cho các đối tượng không dùng quyền xét tuyển thẳng

Các đối tượng xét tuyển thẳng được quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022 không được hưởng ưu tiên khi xét tuyển vào Trường.

1.8.3. Điểm ưu tiên xét tuyển theo khu vực và đối tượng: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

+ Lệ phí xét tuyển ở đợt tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện theo quy định của BGDĐT.

+ Lệ phí xét tuyển theo kết quả học tập THPT/xét tuyển thẳng/xét điểm thi ĐGNL: 30.0000/ 1 thí sinh (tính theo đợt đăng ký).

+ Lệ phí thi tuyển năng khiếu: 300.000 đ/1 thí sinh

Thí sinh có thể nộp theo 1 trong 02 cách sau:

- Cách 1. Nộp trực tiếp tại phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

- Cách 2. Chuyển khoản cho Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội: STK: **15110069995**, Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV).

Thí sinh khi chuyển khoản lệ phí cần ghi rõ nội dung chuyển tiền theo cấu trúc:

+ Số Mã hồ sơ – Họ và tên – Lệ phí xét tuyển (*nếu nộp lệ phí xét tuyển*)

+ Số Mã hồ sơ – Họ và tên – Lệ phí thi tuyển (*nếu nộp lệ phí thi tuyển năng khiếu*)

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Học phí bình quân các chương trình đào tạo năm học 2024-2025 là 504.000đ/tín chỉ, học phí năm học tiếp theo tăng không quá 10% so với năm học liền trước.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: Được quy định tại mục 1.7.1

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

- Cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

+ Thí sinh khai báo không chính xác thông tin, số liệu khi đăng ký xét tuyển trực tuyến trên hệ thống đăng ký xét tuyển của Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, được xử lý như sau:

Trường hợp thông tin sai lệch có ảnh hưởng đến kết quả tuyển sinh (đủ/không đủ điều kiện trúng tuyển) được coi như thí sinh đã vi phạm quy chế tuyển sinh và bị hủy kết quả xét tuyển.

Trường hợp thông tin sai lệch không ảnh hưởng đến điều kiện trúng tuyển (thông tin ngày tháng năm sinh, quê quán,..), thí sinh được làm đơn đề nghị cập nhật thông tin, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xem xét để công nhận kết quả xét tuyển.

+ Thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học nhưng nhập học muộn quá 15 ngày theo thông báo của Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, được xử lý như sau:

+ Nếu không có lý do chính đáng, Nhà trường sẽ không tiếp nhận.

+ Nếu thí sinh nhập học muộn do ốm đau, tai nạn có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên về thời gian điều trị hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc do thiên tai, Nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh. Thí sinh phải gửi đơn xin bảo lưu kết quả trúng tuyển cùng các căn cứ chứng minh lý do bảo lưu đến phòng Tuyển sinh và Truyền thông để trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

1.13. Các nội dung khác

- Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đào tạo: Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số: 160/QĐ-KĐCLGD ngày 04/5/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục-Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam

- Văn bằng tốt nghiệp:

TT	Ngành đào tạo	Văn bằng tốt nghiệp
1	Công nghệ Sợi, Dệt	Kỹ sư
2	Thiết kế thời trang	Cử nhân
3	Công nghệ may	Kỹ sư
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ sư
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Kỹ sư

TT	Ngành đào tạo	Văn bằng tốt nghiệp
6	Quản lý công nghiệp	Cử nhân
7	Marketing	Cử nhân
8	Kế toán	Cử nhân
9	Thương mại điện tử	Cử nhân
10	Quản trị kinh doanh	Cử nhân
11	Thiết kế đồ họa	Cử nhân

- Thủ khoa theo từng phương thức xét tuyển được Trường biểu dương, trao tặng theo Quy định của Trường.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trước 31/3/2024, được tặng 1.000.000 đồng khi nhập học.

- Hằng năm Nhà trường dành gần 3,5 tỉ đồng để cấp học bổng cho sinh viên gồm có:

+ Học bổng khuyến khích học tập là học bổng dành cho sinh viên (SV) chính quy dài hạn trong trường có thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

+ Học bổng hỗ trợ học tập là học bổng dành cho SV chính quy dài hạn trong trường thuộc diện gia đình chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn, có cố gắng trong học tập và rèn luyện.

+ Học bổng của doanh nghiệp là học bổng do doanh nghiệp tài trợ. Đối tượng là SV có thành tích trong học tập, rèn luyện và đạt được các điều kiện của doanh nghiệp cấp học bổng.

+ Giảm 15% học phí cho các cặp anh, chị, em sinh đôi học tại trường.

- Chính sách miễn giảm học phí: Trường thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ cho sinh viên hoàn thiện thủ tục hồ sơ miễn, giảm học phí tại địa phương theo quy định của nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

- Chính sách hỗ trợ tài chính

+ Trường hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên thuộc các đối tượng được vay vốn tín dụng hoàn thiện thủ tục hồ sơ vay vốn theo quy định của Quyết định số 05/2022/QĐ- TTg ngày 23/03/2022 của thủ tướng chính phủ.

+ Hỗ trợ sinh viên có thêm thu nhập thông qua việc làm thêm tại Trung tâm sản xuất dịch vụ của trường theo nhu cầu.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Năm 2024 Nhà trường không tuyển sinh đối tượng này

1.14. Tài chính

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường; **134.935,42** tỷ đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 18.800.000 đồng/sinh viên/năm

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

+ Người học đã tốt nghiệp Đại học;

+ Người đã tốt nghiệp Cao đẳng/Cao đẳng nghề ngành may và đã có bằng THPT hoặc tương đương.

+ Tốt nghiệp Trung cấp ngành may và đã có bằng THPT hoặc tương đương.

2.2. Phạm vi tuyển sinh. Cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh

+ Xét tuyển kết quả học tập toàn khóa trình độ Đại học

+ Xét tuyển kết quả học tập toàn khóa trình độ Cao đẳng/Cao đẳng nghề

+ Xét tuyển kết quả học tập toàn khóa trình độ Trung cấp

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	Đại học	7540209	Công nghệ may	XT_LT	Xét tuyển	90	1136/QĐ-BGD&ĐT	07/4/2016	BGD&ĐT	2016

2.5. Ngưỡng đầu vào. Điểm trung bình chung học tập toàn khóa đạt từ 5.00 trở lên

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

a) Thông tin chung về Trường

- Tên trường: trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
- Mã trường: CCM
- Website: hict.edu.vn
- Email: tuyensinh@hict.edu.vn;
- Facebook: <http://www.facebook.com/tshict>
- Điện thoại: 024.36922552; 0917966488; 0915001951

b) Hình thức xét tuyển

Tên ngành	Mã ngành	Xét tuyển
Công nghệ may	7540209	Trung bình chung toàn khóa hệ Trung cấp/Cao đẳng/Đại học

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian tuyển sinh: Liên tục trong năm
- Hình thức đăng ký;

Thí sinh nộp trực tiếp hồ sơ hoặc chuyển phát nhanh về phòng Tuyển sinh và Truyền thông, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, Xã Lệ Chi-Huyện Gia Lâm- TP Hà Nội. Điện thoại liên hệ: 024.36922552; 0917966488; 0915001951.

- Điều kiện nhận đăng ký xét tuyển:

- + Thí sinh tốt nghiệp Đại học
- + Thí sinh tốt nghiệp Cao đẳng/Trung cấp ngành may và đã tốt nghiệp THPT.

2.8. Chính sách ưu tiên:

2.9. Lệ phí xét tuyển.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí năm học 2024-2025 là 504.000đ/tín chỉ, học phí năm học tiếp theo tăng không quá 10% so với năm học liền trước.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm. Liên tục trong năm

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VỪA HỌC VỪA LÀM

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

3. Phương thức tuyển sinh

+ Xét tuyển bằng điểm dựa vào điểm tổng kết lớp 12 trong học bạ THPT của các môn theo tổ hợp xét tuyển tương ứng như xét tuyển đại học chính quy.

+ Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số), cộng điểm ưu tiên theo quy định.

Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DM3} + \text{UT}$$

Trong đó:

+ DM1 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ nhất

+ DM2 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ hai

+ DM3 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ ba

+ UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7540209	Công nghệ may	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	90	1136/QĐ-BGDĐT	07/04/2016	BGDĐT	2016
2.	Đại học	7510601	Quản lý công nghiệp	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	30	1136/QĐ-BGDĐT	07/04/2016	BGDĐT	2016
3	Đại học	7540202	Công nghệ Sợi Dệt	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	30	1136/QĐ-BGDĐT	07/04/2016	BGDĐT	2016

Tổ hợp xét tuyển

TT	Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
4	B00	Toán	Hóa học	Sinh học

5. Ngưỡng đầu vào.

Đã tốt nghiệp trung học phổ thông THPT.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.*a) Các thông tin chung*

- Tên trường: Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
- Mã trường: CCM
- Website: hict.edu.vn
- Email: tuyensinhdetmay@hict.edu.vn; <http://www.facebook.com/tshict>
- Điện thoại: 024.36922552; 0917966488; 0915001951

b, Mã ngành, tổ hợp xét tuyển

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ May	7540209	A00; A01; B00; D01
2	Quản lý công nghiệp	7510601	A00; A01; B00; D01
3	Công nghệ Sợi Dệt	7540202	A00; A01; B00; D01

Tổ hợp xét tuyển

TT	Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
4	B00	Toán	Hóa học	Sinh học

7. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ 01/3/2024 đến hết 31/12/2024
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:
 - + Bản sao hợp lệ học bạ THPT;
 - + Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
 - + Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường);
 - + Giấy xác nhận ưu tiên (nếu có);
 - + Bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;

- Địa chỉ gửi hồ sơ: phòng Tuyển sinh và Truyền thông trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, Lê Chi – Gia Lâm – Hà Nội.

Điện thoại liên hệ: 024.36922552; 0917966488; 0915001951.

8. Chính sách ưu tiên: Theo quy định của BGDĐT

9. Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/ 1 hồ sơ.

10. Học phí dự kiến với sinh viên:

Học phí trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá 150% mức học phí của hệ đào tạo chính quy tương ứng, học phí năm học tiếp theo tăng không quá 10% so với năm học liền trước.

11. Thời gian dự kiến tuyển sinh: Theo thông báo tuyển sinh Đại học vừa làm vừa học tại website: hict.edu.vn. *lm*

Cán bộ kê khai



Đoàn Thị Hương Thủy

